

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2025.
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.
2. Bà Hoàng Thị Hội.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Yển, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị X, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh S (nay là bản H, xã T, thị xã M, tỉnh S), có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện M, tỉnh S (nay là bản H, xã T, thị xã M, tỉnh S), vắng mặt.

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã T, huyện M, tỉnh S (nay là xã T thị xã M, tỉnh S), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 11/10/2024, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị X trình bày:

Chị X và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn, lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Đến năm 2004 thì chuyển về huyện Mộc Châu sinh sống theo diện dân tái định cư.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, tháng 5 năm 2012 đã phải đi cai nghiện 04 năm 06 tháng, đến tháng 5 năm 2016 thì được về, từ khi trở về thì lại nghiện rượu, không chịu khó làm ăn. Thường xuyên đánh chửi vợ con. Mâu thuẫn kéo dài thường xuyên, chính quyền địa phương đã hòa giải rất nhiều lần nhưng đâu lại vào đó.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/01/2000 (Cháu đã xây dựng gia đình), cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/01/2004 (Cháu đã xây dựng gia đình) hiện nay cháu vẫn ở ngôi nhà được cấp, cháu Lò Minh Q, sinh ngày 09/01/2009.

Sau khi ly hôn, chị X xin nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung:

Có 01 nhà do Nhà nước xây cho kèm chuồng bò. Nằm trên diện tích đất 522,4m², đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 169398, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 01113, quyết định số 471/QĐ – UBND ngày 25/12/2014. Trị giá Nhà nước giao là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Đất sản xuất là 8534,4m², đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 169397, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 01112, quyết định số 471/QĐ – UBND ngày 25/12/2014. Trong diện tích đất này đã chuyển nhượng thửa 486, thửa 487, tờ bản đồ số 11, việc chuyển nhượng được sự đồng thuận của 02 vợ chồng.

Do cháu Lò Minh Q, sinh ngày 09/01/2009 sau khi chuyển về Mộc Châu mới sinh cháu, nên cháu không được Nhà nước cấp đất cho.

Hiện nay theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ còn lại 02 thửa là thửa 321, 396, tổng diện tích đất của là 3.497,6m², trong đó được cấp cho cả 4 người là chị X, anh T, cháu H.

Sau khi chuyển xuống Mộc Châu thì chị X mới sinh cháu B. Thì Nhà nước mới cấp tiếp cho cháu B 2000m² trong đó có 1000m² đất đã trồng sẵn cây chè, còn 1000m² Nhà nước cấp để cho trồng cây nông nghiệp như ngô, lúa. Nhưng năm

2006 anh T đã bán phần đất Nhà nước cấp cho cháu B, việc anh T bán diện tích đất của cháu B, chị X không được biết.

01 xe máy trị giá 35.000.000đ xe mua lại mua năm 2024.

01 tổng diện tích đất được cấp là 522,4m², chị đề nghị chia làm 6 phần (chị 01 phần, cháu Hảo, cháu B, cháu Q, và anh T mỗi người 01 phần là 87,0m²). Vì tổng diện tích đất được cấp đều cấp theo nhân khẩu.

Còn diện tích đất nương hiện còn 3.497,6m², chị X không chia cho anh T vì anh T đã tự ý bán diện tích đất Nhà nước cấp cho cháu B 2000m², số tiền này anh T sử dụng riêng cả nhà không ai được sử dụng cùng.

Giao cho anh T được sử dụng 01 xe máy trị giá 35.000.000đ (chị X yêu cầu anh T phải trả cho chị X ½ giá trị chiếc xe).

Về nợ chung:

Nợ ông Nguyễn Văn Toàn.

Địa chỉ: Tiểu khu 12, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu (nay là xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu), số tiền 130.000.000đ. Mục đích vay để xây nhà tắm.

Về nợ chung, chị đề nghị chia đôi, chị trả 01 nửa, anh T trả 01 nửa cho ông Kiệm.

Ngày 02/01/2025 chị Lò Thị X có đơn đề nghị với nội dung do tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã xảy ra nghiêm trọng, đề giải phóng cho mình chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, còn về tài sản chung, nợ chung do anh T không hợp tác việc giải quyết ly hôn, nên chị và anh T sẽ tự tH thuận phân chia giải quyết với anh T, chưa yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Ngoài ra chị X không đề nghị gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kiệm trình bày.

Ông là anh trai ruột của ông Nguyễn Văn Toàn, cửa hàng bán vật liệu xây dựng là của ông, ông Toàn là người đi làm thuê cho ông.

Vào tháng 5 năm 2024 vợ chồng chị X, anh T có đặt vấn đề mua vật liệu xây dựng ở cửa hàng gia đình ông, do chưa có tiền trả ngay nên lấy nợ, theo sổ sách ghi nợ thì hiện anh T, chị X còn nợ ông 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Nay chị X xin ly hôn với anh T và có đề nghị phần nợ của ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, ông nhất trí.

Về án phí: Chị Lò Thị X đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần Hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị:

1. Tuyên bố chị Lò Thị X và anh Lò Văn T không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

Đối với cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/01/2000 (Cháu H đã xây dựng gia đình), cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/01/2004 (Cháu đã xây dựng gia đình), nên không đề cập việc giải quyết.

Giao cháu Lò Minh Q, sinh ngày 09/01/2009 cho chị Lò Thị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Minh Q đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lò Văn T do chị X chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Do chị Lò Thị X không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Do chị Lò Thị X và ông Nguyễn Văn Kiệm không yêu cầu nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kiệm đã có lời khai, đã có văn bản trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị X đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng của Tòa án, chính quyền địa phương đã đến nhà giao cho anh T, nhưng không gặp được anh T, nên đã làm thủ tục niêm yết tại nhà văn hóa bản Nậm Tôm.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Lò Văn T đã biết việc chị X ly hôn, nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện chất ma túy, đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng trở về vẫn tái nghiện, từ đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nghiêm trọng.

Về tài sản chung: Địa phương không nắm bắt được.

Vay nợ chung: Địa phương không nắm bắt được.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị X và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn, lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Đến năm 2004 thì chuyển về huyện Mộc Châu sinh sống theo diện dân tái định cư (trước đó chị X và anh T sinh sống tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La).

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, tháng 5 năm 2012 đã phải đi cai nghiện 04 năm 06 tháng, đến tháng 5 năm 2016 thì được về, từ khi trở về thì lại nghiện rượu, không chịu khó làm ăn. Thường xuyên đánh chửi vợ con. Mâu thuẫn kéo dài thường xuyên, chính quyền địa phương đã hòa giải rất nhiều lần nhưng đâu lại vào đó.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án xác định đến thời điểm chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn, vẫn chưa có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không

có giá trị pháp lý, như vậy cần xử tuyên bố chị Lò Thị X và anh Lò Văn T không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị X và anh T có 03 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/01/2000 (Cháu đã xây dựng gia đình), cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/01/2004 (Cháu đã xây dựng gia đình) nên không đề cập việc giải quyết, còn cháu Lò Minh Q, sinh ngày 09/01/2009, hiện nay cháu chưa trưởng thành 18 tuổi cần phải giải quyết giao cho một bên nuôi dưỡng giáo dục.

Sau khi ly hôn, chị X có nguyện xin nuôi cháu Q, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị. Tòa án cũng đã ghi ý kiến của cháu Q, nguyện vọng của cháu cũng xin được ở với chị X, sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy anh T sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, do vậy sau khi đã giải quyết tuyên bố chị X và anh T không phải là vợ chồng thì về cháu Q cần giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lò Văn T do chị X chưa có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do anh Lò Văn T không có lời khai, hơn nữa chị Lò Thị X có ý kiến chị và anh Lò Văn T sẽ tự giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Do anh Lò Văn T không có lời khai, hơn nữa chị Lò Thị X và ông Nguyễn Văn Kiệm có ý kiến chị và anh Lò Văn T sẽ tự giải quyết với nhau về khoản nợ với ông Kiệm, bản thân ông Nguyễn Văn Kiệm cũng nhất trí như ý kiến của chị X, ông Kiệm cũng có ý kiến chưa yêu cầu Tòa án phải giải quyết khoản vay nợ của anh T, chị X với ông, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử tuyên bố chị Lò Thị X và anh Lò Văn T không phải là vợ chồng.
2. Về con chung: Do cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/01/2000 (Cháu đã xây dựng gia đình), cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/01/2004 (Cháu đã xây dựng gia đình) nên không đề cập việc giải quyết.

Giao cháu Lò Minh Q, sinh ngày 09/01/2009, cho chị Lò Thị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lò Văn T do chị X chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Do chị Lò Thị X chưa yêu cầu giải quyết nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Do chị Lò Thị X và ông Nguyễn Văn Kiệm, chưa yêu cầu giải quyết nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002200 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký

Đỗ Như Khánh

